TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07/6/2024.
"V/v tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị Q và anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Kim Na Rinh

- Ông Nguyễn Trung Hoà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐST-HN, ngày 08/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 21/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Q, sinh năm 1984;
Địa chỉ: 2 ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Minh N, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

Con chung chị Q và anh N tên Bùi Dương Minh A, sinh ngày 16/01/2012. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Dương Thị Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Bùi Minh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà hôm nay con chung của chị Q và anh N tên Bùi Dương Minh A, sinh ngày 16/01/2012 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà, đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn với anh N, về con chung tên Bùi Dương Minh A, sinh ngày 16/01/2012 và Bùi Dương Minh K, sinh ngày 27/5/2021 chị Q đang nuôi và theo nguyện vọng của con Minh A được sống chung với chị Q, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung để con chung Bùi Dương Minh A và Bùi Dương Minh K có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần nên để chị Q được nuôi hai con Minh A và Minh K, về cấp dưỡng nuôi con chị Q không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, về số nợ phải thu, phải trả chị Q không yêu cầu nên không xem xét; án phí chị Q phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Bùi Minh N có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Dương Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Minh N, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh N xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị Q và anh N là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị Q và anh N tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị Q và anh N đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt. Tòa án đã hòa giải 02 lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N không đến tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề ngày 29/02/2024 chị xin được ly hôn với anh N là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q và anh N được ly hôn với nhau.

Về nuôi con tên: Bùi Dương Minh A, sinh ngày 16/01/2012 và Bùi Dương Minh K, sinh ngày 27/5/2021 là con chung của chị Q và anh N trong thời gian anh chị ly thân đến nay con chung Bùi Dương Minh A và Bùi Dương Minh K sống với chị Q được chị Q nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và cũng tại bản tự khai ngày 28/3/2024 con chung Minh A có nguyện vọng được sống chung với chị Q, tại biên bản ghi lời khai, ngày 12/4/2024 và biên bản hoãn phiên hoà giải, ngày 08/4/2024 chị Q yêu cầu được nuôi con chung Minh A và Minh K, để con chung Bùi Dương Minh A, sinh ngày 16/01/2012 và Bùi Dương Minh K, sinh ngày 27/5/2021 có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Dương Minh A và Bùi Dương Minh K cho chị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị Q không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Q không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Q phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 217, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban T;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị Q và anh Bùi Minh N được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Chị Dương Thị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Bùi Dương Minh A, sinh ngày 16/01/2012 và Bùi Dương Minh K, sinh ngày 27/5/2021 sau khi ly hôn.

Anh Bùi Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Q không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Q không tranh chấp, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị Q có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001140 ngày 29/02/2024 do chị Q nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Dương Thị Q đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh B;
- Lưu HSVA.